

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀICao Thị Tường Khanh
Học viện An ninh Nhân dân

Tóm tắt: Thông qua thực trạng giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, chỉ ra các hạn chế về giáo trình, phương pháp, đánh giá và ứng dụng công nghệ, đồng thời nhấn mạnh đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam đòi hỏi phương pháp dạy học giao tiếp, lấy người học làm trung tâm và tích hợp văn hóa. Trên cơ sở đó, đề xuất hoàn thiện chương trình và giáo trình chuẩn hóa, phát triển tài liệu hỗ trợ linh hoạt và gắn kết với tình huống giao tiếp thực tiễn. Đồng thời, đổi mới phương pháp dạy học theo nhiệm vụ, tối ưu hóa luyện phát âm, đa dạng hóa kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin và mô hình lớp học đảo ngược, cùng bồi dưỡng đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp được xem là giải pháp then chốt.

Từ khóa: Giải pháp; Giảng dạy; Tiếng Việt; Người nước ngoài

SOLUTIONS TO IMPROVE THE EFFECTIVENESS OF TEACHING
VIETNAMESE TO FOREIGNERS

Abstract: Through analyzing the current state of teaching Vietnamese to foreigners, this study identifies limitations in curricula, teaching methods, assessment, and the application of technology, while emphasizing that the linguistic and cultural characteristics of Vietnam require a communicative, learner-centered, and culturally integrated approach. Based on this analysis, it proposes the improvement of standardized curricula and teaching materials, the development of flexible supplementary resources, and their alignment with real-life communicative situations. At the same time, innovating task-based teaching methods, optimizing pronunciation practice, diversifying assessment forms, applying information technology and the flipped classroom model, along with professional development of instructors, are considered key solutions.

Keywords: Solutions; Teaching; Vietnamese; Foreign learners

Nhận bài: 11/10/2025

Phản biện: 12/11/2025

Duyệt đăng: 16/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhu cầu học tiếng Việt của người nước ngoài đang tăng trưởng mạnh mẽ và trở nên đa dạng hơn bao giờ hết. Người học đến từ nhiều quốc gia khác nhau lựa chọn tiếng Việt không chỉ vì mục đích học thuật hay nghiên cứu chuyên sâu, mà còn để phục vụ công việc, giao thương, du lịch, định cư, kết hôn cũng như nhu cầu giao lưu và thích ứng văn hoá trong đời sống thường nhật tại Việt Nam. Sự hiện diện ngày càng đông đảo của cộng đồng người nước ngoài sinh sống, làm việc và học tập tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... đã tạo ra nhu cầu bức thiết về một hệ thống dạy học tiếng Việt bài bản, khoa học và hiệu quả.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ (TVNN) hiện vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của người học cũng như xu thế hiện đại của giáo dục ngoại ngữ. Hệ thống tài liệu và giáo trình chưa được chuẩn hoá thống nhất, dẫn đến sự chênh lệch về nội dung và cách tiếp cận giữa các cơ sở đào tạo. PPDH trong nhiều lớp học vẫn thiên về lý thuyết, chú trọng ngữ pháp – dịch, chưa tạo được nhiều cơ hội cho người học thực hành giao

tiếp trong các tình huống thực tế. Những hạn chế nêu trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp đổi mới nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài trong giai đoạn mới.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm tiếng Việt với tư cách là ngoại ngữ

Hệ thống âm vị phong phú với 6 thanh điệu ở tiếng Việt chuẩn (Bắc), gây khó khăn cho người học đến từ các ngôn ngữ không thanh điệu.

Cấu trúc ngữ pháp tương đối linh hoạt, trật tự từ giữ vai trò quan trọng trong việc biểu đạt nghĩa.

Hệ thống từ vựng giàu tính đa nghĩa, nhiều yếu tố Hán – Việt, biến thể vùng miền (Bắc – Trung – Nam), từ khẩu ngữ, tiếng lóng.

Những đặc điểm này đòi hỏi giảng dạy TVNN phải chú trọng rèn luyện phát âm – ngữ điệu, ngữ cảnh sử dụng và ý nghĩa dụng học (pragmatics), tránh cách dạy thuần ngữ pháp – dịch.

2.2. Một số định hướng của dạy học ngoại ngữ hiện đại

Giảng dạy ngoại ngữ hiện nay nhấn mạnh:

Định hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT): Lấy năng lực giao tiếp làm trung tâm, chú trọng tình huống thật, nhiệm vụ (task) và tương tác.

Tiếp cận lấy người học làm trung tâm: Quan tâm nhu cầu, trình độ, phong cách học, động cơ học của người học.

Dạy học tích hợp bốn kỹ năng: Nghe – nói – đọc – viết, đồng thời chú trọng năng lực liên văn hoá.

Ứng dụng công nghệ thông tin: Lớp học đảo ngược, học trực tuyến, học qua video, mạng xã hội, ứng dụng di động...

Dạy TVNN nếu biết vận dụng những định hướng này sẽ nâng cao rõ rệt chất lượng và tính hấp dẫn.

2.3. Thực trạng giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

Một số vấn đề thường gặp tại các cơ sở dạy tiếng Việt cho người nước ngoài như sau:

Chương trình và giáo trình chưa thật sự chuẩn hoá: Thiếu bộ chuẩn năng lực tiếng Việt tương đương CEFR để định hướng mục tiêu từng cấp độ. Nhiều giáo trình tự biên soạn, không đồng nhất về nội dung, mức độ khó, cách phân chia bài học; PPDH còn thiên về truyền thụ một chiều. GV thường giảng giải ngữ pháp, cho làm bài tập cấu trúc, ít tổ chức hoạt động giao tiếp, dự án, thảo luận; Thời lượng luyện phát âm, luyện nghe – nói theo tình huống thực tế còn ít.

Hệ thống đánh giá chưa phản ánh đúng năng lực giao tiếp của người học: Kiểm tra chủ yếu tập trung vào từ vựng – ngữ pháp, ít có bài kiểm tra đánh giá kỹ năng nói, tương tác, xử lý tình huống.

Ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế: Ít sử dụng nền tảng học trực tuyến, video, podcast, mạng xã hội bằng tiếng Việt để hỗ trợ người học. Tài nguyên số (bài tập trực tuyến, trò chơi ngôn ngữ, kho dữ liệu âm thanh – hình ảnh) còn nghèo nàn.

Đội ngũ GV chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về dạy TVNN: Nhiều GV là cử nhân Ngữ văn hoặc giảng dạy tiếng Việt cho người bản ngữ chuyên sang, chưa được đào tạo bài bản về dạy tiếng Việt như ngoại ngữ, về phương pháp dạy học đa văn hoá, quản lý lớp đa quốc tịch.

Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến động lực học tập, mức độ tiến bộ và khả năng sử dụng tiếng Việt trong đời sống thực tế của người học.

2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài

2.4.1. Hoàn thiện chương trình và giáo trình dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ

Việc hoàn thiện chương trình và giáo trình dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ là bước then chốt

nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tạo sự thống nhất trong toàn bộ hệ thống giảng dạy. Trước hết, cần xây dựng khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài theo các bậc trình độ tương thích với chuẩn quốc tế như CEFR (A1–C2). Khung năng lực này phải xác định rõ yêu cầu đầu ra đối với bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết ở từng cấp độ; đưa ra danh mục các cấu trúc ngữ pháp cốt lõi mà người học cần đạt; đồng thời liệt kê hệ thống từ vựng thiết yếu kèm theo tần suất sử dụng và chủ đề cụ thể. Khi có khung chuẩn này, quá trình thiết kế chương trình, biên soạn giáo trình và đánh giá năng lực sẽ trở nên thống nhất, minh bạch và khoa học hơn.

Cần phát triển bộ giáo trình chuẩn hóa theo cấp độ, bảo đảm bám sát mục tiêu đầu ra và nhu cầu thực tiễn của người học. Giáo trình cần được tổ chức theo hướng giao tiếp, lấy tình huống đời sống làm trung tâm, tạo điều kiện cho người học vận dụng tiếng Việt vào các hoạt động quen thuộc như mua sắm, hỏi đường, khám bệnh, giao tiếp tại trường học, cơ quan hành chính hoặc công sở. Đặc biệt, phần luyện ngữ âm – gồm phát âm phụ âm đầu, vần, thanh điệu và ngữ điệu – cần được thiết kế theo trình tự từ dễ đến khó, có hệ thống bài tập đa dạng kết hợp hình ảnh, âm thanh và công cụ hỗ trợ để giúp người học khắc phục khó khăn khi tiếp xúc với đặc trưng âm vị của tiếng Việt.

Một yêu cầu quan trọng khác là giáo trình phải tích hợp kiến thức văn hoá – xã hội Việt Nam một cách tự nhiên và phù hợp. Các bài học nên bao gồm nội dung về phong tục, tập quán, cách xưng hô, lễ Tết, ẩm thực hay quy tắc ứng xử của người Việt trong các bối cảnh khác nhau. Việc kết hợp ngôn ngữ với văn hóa sẽ giúp người học hiểu sâu hơn về bối cảnh giao tiếp, từ đó sử dụng tiếng Việt một cách chính xác và hiệu quả.

Bên cạnh giáo trình chính, cần xây dựng hệ thống tài liệu bổ trợ phong phú và linh hoạt, bao gồm bài nghe, video tình huống, bài tập giao tiếp, trò chơi ngôn ngữ và phiếu hoạt động (worksheets). Nguồn học liệu này cần được điều chỉnh phù hợp với từng nhóm đối tượng như học sinh, sinh viên quốc tế, nhà ngoại giao, người lao động nước ngoài hay người kết hôn với người Việt. Việc đa dạng hóa và cá thể hóa tài liệu sẽ tạo điều kiện để mọi đối tượng người học đều có cơ hội tiếp cận tiếng Việt một cách hiệu quả, sát với nhu cầu và mục đích sử dụng thực tiễn.

2.4.2. *Đổi mới PPDH theo hướng giao tiếp và lấy người học làm trung tâm*

Đổi mới PPDH theo định hướng giao tiếp và lấy người học làm trung tâm là xu hướng tất yếu trong dạy học ngoại ngữ hiện đại, và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài cũng không ngoại lệ. Trước hết, lớp học cần được tổ chức theo hướng tăng cường hoạt động giao tiếp, giúp người học sử dụng tiếng Việt một cách tự nhiên, linh hoạt trong các tình huống thực tiễn. GV nên thiết kế nhiều hoạt động như làm việc theo cặp/nhóm, đóng vai (role-play) các tình huống đời sống, thực hiện phỏng vấn, thảo luận nhóm, thuyết trình ngắn hoặc các dự án học tập nhỏ như làm video giới thiệu một địa điểm văn hóa tại Việt Nam. Những hoạt động này không chỉ tạo môi trường “tắm ngôn ngữ” mà còn giúp người học rèn luyện khả năng tương tác, giải quyết vấn đề và sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh thật.

Cần áp dụng mạnh mẽ PPDH theo nhiệm vụ (Task-based Language Teaching – TBLT), một phương pháp đã được chứng minh mang lại hiệu quả cao trong phát triển năng lực giao tiếp. Với TBLT, GV giao cho người học những nhiệm vụ cụ thể như đi chợ, hỏi đường, đặt món ăn, thương lượng lịch hẹn, trình bày lý do xin nghỉ... Người học sẽ chuẩn bị, trao đổi, thực hành và báo cáo kết quả. Trong quá trình này, vai trò của GV chuyển từ “người truyền đạt kiến thức” sang “người tổ chức, hướng dẫn và phản hồi”, qua đó giúp người học chủ động xây dựng năng lực giao tiếp và tự điều chỉnh quá trình học của mình.

Một yếu tố quan trọng khác trong đổi mới phương pháp là cá thể hóa dạy học. GV cần khảo sát nhu cầu, động cơ và mục tiêu của từng người học – có người học để kinh doanh, có người học để nghiên cứu, có người học để sinh sống lâu dài tại Việt Nam. Việc điều chỉnh chủ đề, ví dụ, bài tập và tốc độ giảng dạy dựa trên hồ sơ người học giúp tăng mức độ phù hợp và hiệu quả. Đồng thời, giáo viên nên khuyến khích người học sử dụng tiếng Việt tối đa trong lớp, hạn chế sử dụng tiếng mẹ đẻ hoặc tiếng Anh, nhưng vẫn cung cấp hỗ trợ cần thiết để tránh gây áp lực tâm lý, đặc biệt đối với người mới bắt đầu.

Ngoài ra, việc tối ưu hóa luyện phát âm và ngữ điệu là yêu cầu bắt buộc trong dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Cần dành thời lượng riêng cho luyện phụ âm đầu, vần, thanh điệu, trọng âm câu

và ngữ điệu hội thoại. Các công cụ hỗ trợ như gương, phần mềm phân tích âm thanh, ứng dụng luyện phát âm, ghi âm – so sánh... giúp người học phát hiện và khắc phục lỗi phát âm một cách hiệu quả hơn. Khi kết hợp đồng bộ các biện pháp trên, quá trình dạy học tiếng Việt sẽ trở nên sinh động, thực tiễn và phù hợp với đặc trưng tiếp thu ngôn ngữ thứ hai của người học.

2.4.3. *Tăng cường dạy học tích hợp văn hoá*

Ngôn ngữ gắn liền với văn hoá, vì vậy:

Đưa yếu tố văn hoá vào bài học: Cách chào hỏi, xưng hô, những điều “nên/không nên” trong giao tiếp, văn hoá gia đình, văn hoá công sở, ẩm thực, lễ hội.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Tham quan chợ, tham gia lễ hội, nấu ăn món Việt, xem phim, nghe nhạc Việt; yêu cầu người học viết nhật ký hoặc thuyết trình về trải nghiệm đó bằng tiếng Việt.

So sánh liên văn hoá: Khuyến khích người học so sánh sự giống/khác giữa Việt Nam và đất nước họ, từ đó hiểu sâu sắc hơn cách dùng từ, cách giao tiếp.

2.4.4. *Đổi mới kiểm tra – đánh giá*

Đổi mới kiểm tra – đánh giá là một trong những yếu tố then chốt nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ. Trên thực tế, nhiều chương trình vẫn nặng về kiểm tra ngữ pháp – từ vựng dạng viết, chưa phản ánh đầy đủ năng lực giao tiếp thực tế của người học. Do đó, việc xây dựng hệ thống đánh giá toàn diện, đa chiều và bám sát mục tiêu năng lực là hết sức cần thiết.

Trước hết, cần đa dạng hóa hình thức đánh giá để ghi nhận toàn diện sự tiến bộ của người học. Bài kiểm tra viết truyền thống (trắc nghiệm, điền từ, tự luận), giáo viên cần kết hợp đánh giá kỹ năng nói thông qua phỏng vấn, hội thoại cặp đôi, thuyết trình ngắn hoặc những bài tập giao tiếp theo nhóm. Đồng thời, việc quan sát mức độ tham gia vào các hoạt động trên lớp, mức độ hoàn thành sản phẩm dự án như video, bài thu âm hay nhật ký học tập cũng góp phần phản ánh chính xác quá trình phát triển ngôn ngữ của người học.

Thứ hai, cần chú trọng đánh giá năng lực giao tiếp thực tế, thay vì chỉ đo lường khả năng ghi nhớ kiến thức. Các bài kiểm tra nên mô phỏng các tình huống giao tiếp phổ biến như mua hàng, đặt phòng khách sạn, hỏi đường, mô tả triệu chứng bệnh hay giải thích nhu cầu trong công việc. Trong quá trình chấm điểm, giáo viên không chỉ quan tâm đến độ chính xác ngữ pháp – phát âm

mà cần chú ý đến độ trôi chảy, khả năng hiểu, mức độ diễn đạt ý, cũng như khả năng xoay xở khi gặp khó khăn về từ vựng. Điều này giúp đánh giá đúng bản chất “năng lực sử dụng ngôn ngữ” thay vì “năng lực biết về ngôn ngữ”.

Cuối cùng, việc cung cấp phản hồi mang tính phát triển (formative feedback) đóng vai trò quan trọng đối với người học tiếng Việt. Giáo viên cần đưa ra phản hồi cụ thể, chỉ rõ lỗi sai, giải thích nguyên nhân và gợi ý chiến lược để cải thiện, thay vì chỉ cho điểm định lượng. Việc khuyến khích người học tự đánh giá hoặc đánh giá chéo theo cặp/nhóm không chỉ tăng tính chủ động mà còn giúp họ nhận diện hạn chế của bản thân và điều chỉnh kịp thời. Nhờ đó, hoạt động đánh giá trở thành một phần của quá trình học tập, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu tiếng Việt một cách bền vững.

2.4.5. Ứng dụng công nghệ thông tin

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh giáo dục hiện đại, đặc biệt khi nhu cầu học trực tuyến, học kết hợp (blended learning) và tự học ngày càng tăng. Công nghệ không chỉ hỗ trợ mở rộng nguồn học liệu mà còn tạo điều kiện để người học tăng thời lượng tiếp xúc với tiếng Việt ngoài lớp học, từ đó cải thiện đáng kể năng lực giao tiếp.

Cần xây dựng hệ thống học liệu số với tính tương tác cao và phù hợp nhiều trình độ. Học liệu có thể bao gồm video bài giảng ngắn, bài luyện nghe theo chủ đề, podcast tiếng Việt có phụ đề, flashcard từ vựng, bộ luyện phát âm và các bài tập trực tuyến. Ngoài ra, việc phát triển một ngân hàng đề kiểm tra trực tuyến cho phép người học luyện tập nhiều lần, nhận phản hồi tự động và theo dõi tiến trình học tập cũng góp phần thúc đẩy khả năng tự học, tự điều chỉnh. Hệ thống học liệu số cần được thiết kế khoa học, dễ truy cập và hỗ trợ tốt cho cả học cá nhân lẫn học theo nhóm.

Tận dụng các nền tảng phổ biến như Zalo, Facebook, WhatsApp, Google Classroom... giúp tăng cường tương tác giữa giáo viên và người học ngoài giờ lên lớp. Những nền tảng này có thể được dùng để gửi tài liệu, giao bài tập, tổ chức thảo luận hoặc giải đáp câu hỏi. Đồng thời, người học cũng được khuyến khích theo dõi các kênh YouTube, fanpage, podcast tiếng Việt phù hợp với trình độ nhằm tăng thời lượng “tắm ngôn ngữ” tự nhiên. Đây là phương pháp hiệu quả giúp mở rộng môi

trường tiếp xúc tiếng Việt, đặc biệt đối với những người không sinh sống tại Việt Nam.

Áp dụng mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom) góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm. Trong mô hình này, người học xem video, đọc tài liệu hoặc làm bài chuẩn bị trước ở nhà; thời gian trên lớp được dành cho hoạt động thực hành giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý nhiệm vụ và giải quyết khó khăn mà người học gặp phải. Nhờ vậy, lớp học trở nên năng động hơn, đồng thời tối ưu hoá thời gian tương tác trực tiếp giữa người học và giáo viên.

2.4.6. Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên

Đội ngũ GV đóng vai trò quyết định đến chất lượng giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ (TVNN). Do đó, việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn và sư phạm là yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo hiệu quả học tập của người học. Trước hết, cần tiến hành đào tạo nghiệp vụ sư phạm chuyên biệt cho dạy TVNN. Nội dung đào tạo nên bao gồm kiến thức về tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition – SLA), các phương pháp dạy ngoại ngữ hiện đại, kỹ năng quản lý lớp học đa ngôn ngữ và đa văn hóa. Nâng cao năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của GV cũng hết sức quan trọng. GV cần có khả năng giao tiếp thành thạo với người học, hiểu và sử dụng hiệu quả các tài liệu nghiên cứu quốc tế, đồng thời thành thạo các công cụ dạy học số như phần mềm quản lý lớp học trực tuyến, ứng dụng tạo bài tập tương tác, nền tảng podcast hay video học tập. Việc này không chỉ giúp lớp học trở nên sinh động, hấp dẫn mà còn tạo điều kiện thuận lợi để cá thể hóa quá trình học, đồng thời tăng cường khả năng tiếp cận kiến thức cho người học ở nhiều địa điểm khác nhau.

Xây dựng cộng đồng chuyên môn là biện pháp cần thiết nhằm duy trì và phát triển chất lượng giảng dạy TVNN một cách bền vững. Các hoạt động như tổ chức hội thảo, sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ bài giảng mẫu, trao đổi kinh nghiệm xử lý các tình huống thực tế trong lớp học, hay thảo luận các PPDH mới giúp GV nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức và phát triển kỹ năng sư phạm. Đồng thời, môi trường chuyên môn này còn thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ sở đào tạo, tạo ra mạng lưới hỗ trợ chuyên nghiệp và gắn kết giữa GV trong cả nước.

Như vậy, việc bồi dưỡng đội ngũ GV không chỉ tập trung vào kiến thức và kỹ năng chuyên môn

mà còn chú trọng đến năng lực ngoại ngữ, CNTT và tinh thần hợp tác chuyên môn. Một đội ngũ GV được đào tạo bài bản, có kỹ năng sư phạm và năng lực giao tiếp tốt sẽ là nền tảng vững chắc để nâng cao hiệu quả giảng dạy TVNN, đáp ứng yêu cầu của người học trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

II. KẾT LUẬN

Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng trong việc quảng

bá hình ảnh đất nước, con người và văn hoá Việt Nam, đồng thời đáp ứng nhu cầu học tập, làm việc và hội nhập của người nước ngoài tại Việt Nam. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp: chuẩn hoá chương trình – giáo trình; đổi mới phương pháp theo hướng giao tiếp, lấy người học làm trung tâm; tích hợp văn hoá; đổi mới kiểm tra – đánh giá; ứng dụng công nghệ; và bồi dưỡng đội ngũ GV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Khang (2010). Ngôn ngữ học xã hội và việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Hoàng Văn Vân (2015). Phương pháp dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2014). *Approaches and Methods in Language Teaching* (3rd ed.). Cambridge University Press.
- Ellis, R. (2003). *Task-Based Language Learning and Teaching*. Oxford University Press.
- Nguyễn Thiện Nam (2020). “Giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ trong bối cảnh hội nhập quốc tế.” *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ*, 36(2), 45–56.